TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2020/DS-ST
Ngày: 05.03.2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:- Bà **Võ Thị Ch**, sinh năm 1980 *(có mặt)*

- Ông **Nguyễn Văn Th***, sinh năm 1979 (có mặt)*

2. Bị đơn: - Ông **Lê Văn Mười B**, sinh năm 1978; (*vắng có đơn*)

- Bà **Bùi Thị D**, sinh năm 1981 *(có mặt)*

*Địa chỉ:*Ấp Xẻo Ngát A, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2019 nguyên đơn bà Võ Thị Ch và ông Nguyễn Văn Th trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà Ch và ông Th cùng với bà D, ông Mười B là người cùng ấp, có nhà cửa đất đai sản xuất ổn định, bà D vợ ông Mười B làm chủ hụi rất nhiều năm nên ông Th và bà Ch tin tưởng.

Ngày 19/8/2018 âm lịch, bà Ch và ông Th có tham gia 10 phần hụi do bà D làm chủ, loại hụi 20.000đ, hụi ngày, dây hụi gồm 170 phần, bà Ch đã góp tiền hụi cho bà D 69 lần (*từ 19/8 đến ngày 28/10/2018*) thì bà Ch và ông Th lĩnh 01 phần, số tiền là 3.850.000đ, còn lại 09 phần chưa lĩnh, ngày 27/01/2019 bà D úp hụi ông Th, bà D góp tiền hụi được 152 lần, sau khi úp hụi bà D không trả lại số tiền nhận cho bà Ch, số tiền đã góp đến ngày úp hụi là 27.360.000đ. Trong quá trình chờ Tòa án giải quyết thì ngày 22/8/2019 âm lịch bà D trả được 1.875.000đ. Đến thời điểm này bà D còn thiếu lại bà Ch, ông Th là 25.485.000đ.

Nay bà Chờ, ông Thanh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Minh giải quyết buộc bà Diễm và ông Mười Ba phải trả số tiền hụi còn thiếu là 25.485.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản hòa giải ngày 17/9/2019 bà biên bản đối chất ngày 09/01/2020 bị đơn bà Bùi Thị D trình bày:*

Ngày 19/8/2018 âm lịch, bà có tổ chức góp hụi, số lượng hụi viên, tiền áp hụi đúng như ông Th và bà Ch trình bày, sau khi áp hụi thì bà D còn nợ lại bà Ch và ông Th 04 phần hụi sống, ông Th bà Ch đã lĩnh 06 phần, còn lại 04 phần hụi sống l45 lần x 4 phần x 20.000đ = 14.500.000đ, trừ tiền huê hồng 100.000đ,tiền hụi chết thiếu 06 phần, một phần 31 lần x 25.000đ/phần = 4.650.000đ, trong thời gian này thì bà D có trả cho ông Th, bà Ch số tiền 1.875.000đ, hiện còn nợ lại 7.875.0000đ đồng ý trả.

Việc làm chủ hụi nhận tiền hụi về nhằm đích để chi phí phục vụ cho bản thân bà, không sử dụng chung nên ông Mười Ba không biết, bà làm chủ hụi cách nay hơn 3 năm chồng bà biết.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn bà Võ Thị Ch và ông Nguyễn Văn Th rút phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Bùi Thị D cùng thống nhất xác định, sau khi trừ tiền hụi chết, trả tiền mặt cho ông Th và bà Ch thì bà D còn thiếu ông Th và bà Ch số tiền 18.000.000đ, bà D đồng ý trả số tiền cho ông Th và bà Ch.

Về thời gian và hình thức trả tiền ông Th, bà Ch yêu cầu bà D, ông Mười B một tháng trả 3.000.000đ, bà D không đồng ý trả theo yêu cầu của ông Th, bà Ch mà hẹn trả một tháng 200.000đ, thời hạn trả tính từ ngày 05/4/2020 cho đến khi hết số tiền thiếu.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Người tham gia tố tụng nguyên đơn ông Th, bà Ch, bà D, ông Mười B thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung và ý kiến việc giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ, ý kiến trình bày của đương sự thì xác định được ngày 19/8/2018 âm lịch bà D có tổ chức góp hụi, loại hụi 20.000đ, thời gian mở hụi là ngày, dây hụi có 170 phần, trong đó; ông Th và bà Ch tham gia 10 phần, khi tổ chức góp hụi thì chủ hụi chỉ ghi sổ theo dỏi, không giao danh sách hụi viên cho người tham gia góp hụi, trong quá trình tổ chức góp hụi thì đến ngày 27/01/2019 bà D ngưng không góp tiền hụi, không trả tiền hụi đã nhận lại cho ông Th và bà Ch từ đó phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay ông Th, bà Ch rút một phần khởi kiện, bà D và ông Mười B không khởi khởi kiện phản tố đối với ông Th và bà Ch, nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th và bà Ch, đối với các phần hụi còn lại thì ông Th và bà Ch, bà D thống nhất với nhau, sau khi trừ tiền hụi ông Th, bà Ch còn phải góp cho bà D (hụi chết), bà D đã trả tiền cho ông Th thì bà D còn thiếu ông Th và bà Ch số tiền hụi 18.055.000đ (*Mười tám ngàn không trăm năm mươi lăm nghìn đồng)* ông Mười B trả 18.000.000đ nhưng không thống nhất với nhau về thời gian và hình thức trả tiền hụi nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Th, bà Ch buộc bà D, ông Mười B phải trả tiền hụi nêu trên cho ông Th, bà Ch là phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 15, Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ- CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th, bà Võ Thị Ch khởi kiện yêu cầu ông Mười B và bà D trả tiền hụi còn thiếu, được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay bị đơn ông Mười B và bà D đang cư trú ấp Xẻo Ngát B, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn ông Mười B và bà D biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện của ông Th và bà Ch đòi ông Mười B và bà D trả tiền hụi. Ông Mười B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại phiên tòa bà Ch và ông Th và bà D không yêu cầu hoãn phiên tòa nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Mười B theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung và yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Ngày 19/8/2018 âm lịch, bà D có tổ chức góp hụi và làm chủ, loại hụi 20.000đ, mở hụi ngày, khi áp hụi thì chủ hụi ghi sổ theo dõi hụi viên, trong dây hụi này thì giữa vợ chồng bà Ch và bà D thống nhất với nhau phần hụi, ngày tháng năm áp hụi, không thống nhất với nhau số phần hụi mà ông Th và bà Ch đã lĩnh, bà Ch xác định là còn 09 phần hụi chưa lĩnh, bà D xác định ông còn 04 phần chưa lĩnh, số tiền hụi bà D thiếu 14.500.000đ, thấy rằng; lời khai nại của bà D nêu ra không có cơ sở. Vì qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì phía bà D là chủ hụi khi giao tiền hụi cho ông Th, bà Ch nhiều lần, có những lần giao tiền hụi ít mà bà ghi giấy giao số tiền hụi cho bà Ch, còn lại những lần giao tiền hụi nhiều mà không ghi là việc không thật mặc khác Tòa án đã thông báo cho bà D cung cấp chứng cứ để chứng minh số lần ông Th và bà Ch đã lĩnh 06 phần nhưng đã quá thời gian quy định bà D không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh nên lời khai nại của bà không có cơ sở xem xét, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà D, ông Th và bà Ch đã thống nhất với nhau số lần hụi đã lĩnh và số phần hụi chưa lĩnh cụ thể là ông Th và bà Ch còn 07 phần hụi chưa lĩnh, số lần đã góp tiền hụi là 152 lần (07 phần x 20.000đ x 152 lần góp tiền), số tiền được nhận là 21.280.000đ, trừ số tiền hụi ông Th, bà Ch phải tiếp tục góp cho bà D (*hụi chết*) là 1.350.000đ, bà D trả cho ông Th, bà Ch là 1.875.000đ, như vậy bà D thiếu tiền hụi của ông Th và bà Ch là 18.055.000đ, ông Th và bà Ch chỉ yêu cầu bà D và ông Mười B phải trả số tiền 18.000.000đ, nhưng không thống nhất với nhau về thời gian và hình thức trả số tiền nên HĐXX không thể ghi nhận, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch, ông Th và ý kiến của Kiểm sát viên nêu ra buộc bà Bùi Thị D và ông Mười B phải trả cho ông Th và bà Ch số tiền 18.000.000 (*Mười tám triệu*) đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự *(Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005)* Điều 15, Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ- CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Xét yêu cầu của bà Ch và ông Th về việc đòi ông Lê Văn Mười B (*chồng bà D*) phải cùng chịu trách nhiệm với bà D trả số tiền hụi còn thiếu cho bà Ch và ông Th là có cơ sở, bởi vì; hiện nay ông Mười B và bà D là vợ chồng, sống chung một hộ gia đình, có tài sản chung. Việc tổ chức góp hụi của bà D thì ông Mười B

có biết nhưng không phản đối gì việc tổ chức góp hụi của bà D nên quyền và nghĩa vụ như nhau và lời trình bày bà D tại phiên tòa làm chủ hụi nhiều năm, tiền thu nhập (hưởng hoa hồng) từ việc làm chủ phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình (mua sắm quần áo cho bà D...), theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông Mười B phải có trách nhiệm cùng bà D trả số tiền hụi còn thiếu cho bà Ch và ông Th, vì đây là giao dịch hợp pháp do bà D (vợ ông Mười B) thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu chung của gia đình.

Đối với ông Th và và Ch rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà D và ông Mười B, xét thấy; việc rút một phần yêu cầu của ông Th và bà Ch là tự nguyện, bị đơn ông Mười B và bà D không khởi kiện phản tố đối với ông Th và bà Ch nên căn cứ vào theo quy định pháp luật Điều 235, Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ.

4. Về án phí, bị đơn bị buộc trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Buộc bà Bùi Thị D và ông Lê Văn Mười B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 900.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án. Bà Chờ và ông Thanh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm,

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 471, Điều 235, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật dân sự; Điều 15, Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ- CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghi quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Buộc bà Bùi Thị D, ông Lê Văn Mười B phải trả cho bà Võ Thị Ch và ông Nguyễn Văn Th tiền hụi còn thiếu là 18.000.000 (*Mười tám triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành án không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ xét xử một phần khởi kiện của ông Th và và Ch khởi kiện đòi bà D và ông Mười B trả số tiền 9.305.000đ.

2. Về án phí**:** Buộc bà D và ông Mười B phải chịu 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ch và ông Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Ch và ông Th 710.000đ (*Bảy trăm mười nghìn đồng*) mà ông Th và bà Ch đã nộp theo biên lai thu số: 0006374 ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án nay trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (05/3/2020), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án này tống đạt hợp lệ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đ/s;
- VKS huyện, tỉnh;
- Toà án tỉnh KG;
- THADS huyện An Minh;
- Lưu HS, VP.

Lê Mỹ Huê